TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/4/2024
V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hộ

2. Ông Lưu Danh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nông Thị V - sinh năm 1987

Nơi ĐKTT và chỗ ở: tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Bị đơn: Đinh Văn T - sinh năm 1973

Nơi ĐKTT: tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; hiện nay đang chấp hành án tại đội 17, phân trại số 03, trại giam N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nông Thị V trình bày:

Bà và ông Đinh Văn T xây dựng gia đình vào tháng 11/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2013

bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được và có nguyện vọng được ly hôn với ông Đinh Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Đinh Tiến T1, sinh ngày 12/12/2008 (giới tính: Nam) và Đinh Văn C, sinh ngày 10/12/2010 (Giới tính: Nam), hiện nay đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn bà đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai có xác nhận của Trại giam N1, bị đơn Đinh Văn T trình bày: ông và bà Nông Thị V kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Tháng 5/2021 ông bị bắt và bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt tổng cộng 21 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện nay ông đang chấp hành án tại đội 17, phân trại số 3 trại giam N1, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và bà V yêu cầu ly hôn ông nhất trí.

Về con chung: ông xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung như bà V trình bày, sau khi ly hôn ông nhất trí để bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung. Trường hợp bà V không thể nuôi dưỡng các cháu thì ông đề nghị cho mẹ đẻ ông là bà Hà Thị T2 nuôi dưỡng vì hiện nay ông đang chấp hành án và không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nợ chung: không yêu cầu Tòa gián giải quyết.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 15/3/2024 các cháu Đinh Tiến T1 và Đinh Văn C đều có nguyện vọng sống chung với mẹ vì đã quen và hiện nay bố cháu vẫn đang chấp hành án tại ở Bắc Giang.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2013 do bà đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2023 bà mới về Việt Nam nên việc ông T vi phạm pháp luật và bị bắt thời điểm nào bà không rõ. Hiện nay bà đang làm công việc buôn bán tự do, thu nhập hàng tháng 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung nên có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nông Thị V và ông Đinh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ tháng 6/2013. Hiện nay ông T đang chấp hành án tại trại giam N1, huyện T, tỉnh Bắc Giang về tội Mua bán trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời gian 21 năm tù theo bản án số 117/HS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Nhận thấy, bà V và ông T không còn điều kiện để thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ. Về con chung, hiện nay cả hai con chung đang ở với bà V, để đảm bảo đời sống cho các con được ổn định thì việc giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với ý kiến của các đương sự và điều kiện, hoàn cảnh thực tế cũng như nguyện vọng của các con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Đinh Văn T đăng ký thường trú tại tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt của các đương sự: bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt do đang chấp hành án tại Trại giam N1, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án thu thập chứng cứ và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nông Thị V và ông Đinh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà V và ông T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và năm 2021 ông T phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" phải đi chấp hành án phạt tù cho cả 02 tội là 21 năm theo quyết định của Bản án số 117/2021/HS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa bà V trình bày vợ chồng đã không sống cùng nhau từ năm 2013, nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại bản tự khai ngày 25/3/2024 ông T cũng nhất trí ly hôn với bà V.

Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T chỉ tồn tại trên danh nghĩa, không có điều kiện để chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; thuộc trường hợp không có khả năng và điều kiện để hàn gắn tình trạng hôn nhân. Do hôn nhân của bà V và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn và ông T cũng nhất trí, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Thị V là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Quá trình chung sống bà V và ông T có 02 con chung là Đinh Tiến T1, sinh ngày 12/12/2008 (giới tính: Nam) và Đinh Văn C, sinh ngày 10/12/2010 (Giới tính: Nam) hiện nay đang ở với bà V.

Sau khi ly hôn bà V có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông T nhất trí để bà V tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, trường hợp bà V không đủ điều kiện chăm sóc thì ông yêu cầu để cho mẹ đẻ ông là bà Hà Thị T2 trực tiếp chăm sóc, giáo dục các cháu, không yêu cầu bà V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy bà V có đủ điều kiện chăm sóc, gần gũi, đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần cho các cháu Đinh Tiến T1 và Đinh Văn C. Quá trình giải quyết vụ án bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và ông T cũng nhất trí để bà V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu là phù hợp với nguyện vọng các cháu Đinh Tiến T1 và Đinh Văn C, do đó cần ghi nhận ý kiến đã thống nhất của các đương sự.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà V không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nên cần được ghi nhận. Khi bà V và ông T có yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà V và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Nông Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị V về việc ly hôn với ông Đinh Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị V được ly hôn với ông Đinh Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Nông Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đinh Tiến T1, sinh ngày 12/12/2008 (giới tính: Nam) và Đinh Văn C, sinh ngày 10/12/2010 (Giới tính: N) đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nông Thị V không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3.Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nông Thị V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà V đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000882 ngày 01/12/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng và được đối trừ khi thi hành án.

3. Về quyền kháng cáo: bà Nông Thị V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Đinh Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền